TOÀ ÁN NHÂN DÂN **TỈNH HƯNG YÊN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 57/2023/HNGĐ-ST
Ngày 09 - 6 - 2023
"V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con, chia tài sản khi ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH HƯNG YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Vũ Thị Nga.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đào Ngọc Khải.

2. Bà Phạm Thị Lan.

- Thư ký phiên toà: Bà Vũ Thúy Hằng - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Hưng Yên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hưng Yên tham gia phiên tòa: Ông Trần Văn Thành - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Hưng Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 05/2023/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 01 năm 2023 về việc "Tranh chấp ly hôn, nuôi con, chia tài sản khi ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 30/2023/QĐXXST- HNGĐ ngày 25/4/2023 và Quyết định Hoãn phiên tòa số 14/2023/QĐ-ST ngày 23/5/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên, giữa các đương sự:

* ***Nguyên đơn:*** Chị Nguyễn Thị H., sinh năm 1989; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Tổ 2A, khu 1, Q.T, thành phố U.B, Quảng Ninh.
Hiện cư trú tại: Partizanska 2427/2, 92101 Piestany, Cộng hòa Slovakia. Vắng mặt.

**** Bị đơn:*** Anh Lê Sỹ Th., sinh năm 1968; địa chỉ: Thôn X.Đ, xã H.T, huyện K.C, tỉnh Hưng Yên. Vắng mặt.

**** Người làm chứng:*** Ông Nguyễn Hà M., sinh năm 1962; Địa chỉ: Tổ 2A, khu 1, Q.T, thành phố U.B, Quảng Ninh. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai nguyên đơn chị Nguyễn Thị H. trình bày:

Chị và anh Lê Sỹ Th. có thời gian tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H.T, huyện K.C, tỉnh Hưng Yên ngày 16/5/2017. Sau khi kết hôn chị về nhà anh Th. ở ngay. Vợ chồng chung sống bình thường được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do hai bên chênh lệch tuổi tác nên dẫn đến bất đồng quan điểm sống, nói chuyện với nhau vài câu là cãi nhau. Khi sang Slovakia chỉ mình chị đi làm kiếm tiền, anh Th. lười lao động hầu như ở nhà. Mọi chi phí đều do chị lo, khi chị ốm anh Th. không quan tâm, hỏi han, miễn sao chị đi làm mang tiền về là được. Anh Th. thường xuyên gọi bạn về nhà nhậu, khi say rượu anh lại lôi chị ra chửi bới và còn đánh chị, đập phá đồ đạc. Do không chịu được nên đầu năm 2019 chị đã bỏ đi nhưng anh Th. lại bắt chị về. Sau khi chị về anh Th. vẫn thường xuyên chửi bới và đánh chị thậm tệ. Chị phải bỏ đi thuê nhà chỗ khác ở và chuyển cả chỗ làm. Từ đó đến nay chị và anh Th. sống ly thân, không ai quan tâm đến ai. Bản thân chị cắt đứt liên lạc với anh Th. vì lý do sợ anh Th. quấy quả và dọa giết chị. Chị xác định chị và anh Th. đã sống ly thân thời gian dài, tình cảm đã hết, chị đã về Việt Nam làm thủ tục ly hôn với anh Th.. Hiện chị đang sinh sống và làm việc tại Slovakia. Chị xác định tình cảm vợ chồng với anh Th. không còn, đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên giải quyết cho chị được ly hôn anh Th.. Chị và anh Th. chưa có con chung. Không có tài sản chung, không nợ ai tài sản gì, tiền chi phí cho việc chị sang Slovakia đoàn tụ với anh Th. do chị và bố mẹ đẻ chị chi phí, anh Th. không chi trả bất cứ chi phí nào vì anh Th. điều kiện khó khăn. Do chị đang ở nước ngoài, không về Việt Nam theo giấy triệu tập của Tòa án giải quyết vụ án được, chị đề nghị Tòa án xét xử vụ án vắng mặt. Chị ủy quyền cho ông Nguyễn Hà M. nhận thay chị bản án, quyết định của Tòa án.

Bị đơn anh Lê Sỹ Th. trình bày:

Anh và chị Nguyễn Thị H. quen biết nhau qua mạng xã hội, có thời gian tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H.T, huyện K.C năm 2017. Sau khi kết hôn, anh và chị H. chung sống tại gia đình anh được nửa tháng thì anh sang Slovakia (Nga) làm việc. Chị H. ở nhà 05 tháng sau anh đón sang Slovakia sống cùng. Vợ chồng chung sống với nhau được khoảng một năm rưỡi thì phát sinh vấn đề chị H. có quan hệ với người đàn ông Hàn Quốc. Trong khoảng thời gian đó, bố anh ốm, anh phải về Việt Nam chăm bố, nhưng chị H. không hỏi han tình hình của bố anh. Anh và chị H. ly thân từ đó đến nay. Nay chị H. có đơn xin ly hôn, anh nhất trí nhưng chị H. trả cho anh số tiền 300 triệu đồng để anh trả tiền lãi anh đã vay 1,4 tỷ đồng để làm thủ tục cho chị H. đi nước ngoài, ngoài ra anh không có yêu cầu gì khác. Anh và chị H. chưa có con chung, không có tài sản chung, không nợ ai tài sản gì chung, anh không đề nghị Tòa án giải quyết. Anh đã nhận được giấy triệu tập của Tòa án nhưng vì chị H. không có mặt ở Việt Nam nên anh không đến Tòa án làm việc.

Người làm chứng ông Nguyễn Hà M. trình bày:

Ông là bố đẻ chị Nguyễn Thị H. và là bố vợ anh Lê Sỹ Th.. Chị H. và anh Th. tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã H.T huyện K.C, tỉnh Hưng Yên năm 2017. Sau khi kết hôn chị H. về nhà anh Th. ở ngay, được khoảng một tuần thì về nhà ông sống do nhà anh Th. chật chội. Anh Th. đi Slovakia làm ăn trước, sau đó chị H. cũng sang Slovakia chung sống cùng anh Th.. Anh chị chung sống hạnh phúc được khoảng một năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh Th. có quan hệ với người phụ nữ khác là chị L., người U.B, Quảng Ninh là người gần nhà ông. Chị L. quen biết với chị H., chị L. có nhu cầu đi nước ngoài làm ăn nên chị L. có hỏi chị H., chị H. có nói với chị L. nếu muốn đi nước ngoài làm ăn thì liên hệ với anh Th.. Từ đó hai người quen biết nhau nảy sinh tình cảm với nhau. Anh Th. không có việc làm ổn định, không tu chí làm ăn. Do mâu thuẫn vợ chồng nên anh chị thường xuyên đánh cãi chửi nhau. Anh Th. đánh đập chị H. làm sảy thai. Mỗi lần chị H. gọi điện về cho ông chị H. đều khóc. Do anh Th. qua lại với chị L. nên anh Th. về Việt Nam sống vào khoảng năm 2019 anh chị ly thân với nhau từ đó cho đến nay. Chị H. vẫn ở Slovakia làm ăn, chị H. làm nails thỉnh thoảng đi đi về về. Trong thời gian anh chị ly thân gia đình cũng đã khuyên bảo hai anh chị nhưng không có kết quả. Hai bên gia đình tình cảm vẫn bình thường. Do mâu thuẫn gia đình nên chị H. có đơn xin ly hôn anh Th. đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên giải quyết theo nguyện vọng của chị H.. Anh Th. và chị H. chưa có con chung, không có tài sản chung, không liên quan gì đến tài sản của gia đình ông. Năm 2017, chị H. làm thủ tục để sang Slovakia đoàn tụ với anh Th., mọi chi phí do chị H. và gia đình ông lo, anh Th. và gia đình anh Th. không bỏ ra một khoản chi phí nào. Chị H. ủy quyền cho ông nhận thay chị bản án, quyết định của Tòa án án, ông nhất trí. Do ông bận công việc nên đề nghị Tòa án giải quyết vụ án vắng mặt.

Ủy ban nhân dân xã H.T, huyện K.C, tỉnh Hưng Yên cung cấp: Căn cứ vào sổ quản lý đăng ký kết hôn và qua nắm bắt tình hình thực tế tại địa phương, anh Lê Sỹ Th., sinh năm 1968, sinh trú quán thôn X.Đ, xã H.T, huyện K.C, tỉnh Hưng Yên và chị Nguyễn Thị H., sinh năm 1986, nơi cư trú: Tổ 2, khu 1, phường Q.T, thành phố U.B, tỉnh Quảng Ninh có đăng ký kết hôn trên cơ sở tự do tìm hiểu và hoàn toàn tự nguyện, Ủy ban nhân dân xã H.T tiến hành đăng ký kết hôn cho anh Th. và chị H. theo quy định của pháp luật ngày 16/5/2017 (số thứ tự 24, quyển số 01). Sau khi kết hôn chị H. có chuyển về chung sống cùng anh Th. tại đia phương một thời gian. Do quá trình làm đơn ly hôn, chị H. không gửi đơn đến UBND xã nên xã không nắm được mâu thuẫn cụ thể của anh Th., chị H.. Qua nắm bắt tình hình thực tế tại địa phương thì hiện nay anh Th., chị H. đã sống ly thân, anh Th. vẫn ở địa phương. Anh Th. và chị H. chưa có con chung. Về tài sản chung, công nợ chung, đất canh tác nông nghiệp 03 và các vấn đề khác, Ủy ban nhân dân xã không nắm rõ. Chị H. xin ly hôn anh Th. và giải

quyết các vấn đề liên quan, đề nghị Tòa án căn cứ vào quy định của pháp luật giải quyết theo thẩm quyền.

Tại công văn số 2576/QLXNC-P5 ngày 08/02/2023 của Cục quản lý xuất nhập cảnh - Bộ công an, về việc cung cấp thông tin xuất nhập cảnh của chị Nguyễn Thị H. xác định chị H. đã sử dụng hộ chiếu số C0892197, đã xuất nhập cảnh 07 lần; lần cuối xuất cảnh ngày 09/01/2023 qua cửa khẩu Nội Bài, hiện chưa có thông tin nhập cảnh.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị H. có đơn xin xét xử vắng mặt và giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin ly hôn anh Th.. Bị đơn anh Lê Sỹ Th. vắng mặt lần thứ hai không có lý do mặc dù Tòa án đã triệu tập hợp lệ.

Chủ tọa thay mặt Hội đồng xét xử công bố tóm tắt nội dung vụ án, lời khai của đương sự, lời khai của người làm chứng cũng như các tài liệu khác đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hưng Yên phát biểu ý kiến:

Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án. Nguyên đơn đã chấp hành đầy đủ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về quyền và nghĩa vụ. Bị đơn chưa chấp hành đầy đủ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về quyền và nghĩa vụ. Tòa án đã thực hiện việc thông báo và tống đạt văn bản tố tụng theo đúng quy định của pháp luật, những người tham gia tố tụng đều vắng mặt, đề nghị Tòa án xét xử vụ án theo thủ tục chung.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 51, Điều 56 và Điều 57 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 của Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án xử chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của chị Nguyễn Thị H., cho chị H. được ly hôn anh Lê Sỹ Th.. Chị H. phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà, quan điểm giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hưng Yên, Hội đồng xét xử nhận định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Chị Nguyễn Thị H. có hộ khẩu thường trú tại tổ 2A, khu 1, Q.T, thành phố U.B, Quảng Ninh, hiện đang cư trú tại Partizanska 2427/2, 92101 Piestany, Cộng hòa Slovakia, ngày 02/3/2022 có đơn khởi kiện yêu cầu xin ly hôn anh Lê Sỹ Th. có hộ khẩu thường trú tại thôn X.Đ, xã H.T, huyện K.C, tỉnh Hưng Yên. Tòa án nhân dân huyện K.C thụ lý, giải quyết theo thẩm

quyền đúng quy định của pháp luật. Quá trình Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết vụ án, ngày 09/01/2023 chị H. xuất cảnh qua cửa khẩu Nội Bài, hiện chưa có thông tin nhập cảnh. Xét thấy, vụ án có yếu tố nước ngoài và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 37 Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án nhân dân huyện K.C đã chuyển hồ sơ vụ án đến Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên để giải quyết theo thẩm quyền đúng quy định của pháp luật.

Nguyên đơn và người làm chứng đều đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do, mặc dù Tòa án đã tống đạt hợp lệ, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 228, Điều 229, Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng.

[2] Về nội dung: Xét yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Nguyễn Thị H., Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Lê Sỹ Th. và chị Nguyễn Thị H. tự nguyện lấy nhau, có đăng ký kết hôn tại UBND xã H.T, là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Tuy nhiên, quá trình chung sống vợ chồng đã phát sinh mâu thuẫn, do anh, chị nghi ngờ nhau sống không chung thủy, đã ly thân từ năm 2019 đến nay, không ai quan tâm đến ai. Chị H. xác định tình cảm vợ chồng không còn, xin được ly hôn với anh Th.. Anh Th. nhất trí ly hôn với chị H.. Như vậy, xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa chị H. và anh Th. đã trầm trọng, cuộc sống chung không có, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào Điều 51 và Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị H., xử cho chị H. được ly hôn anh Th. để anh Th., chị H. sớm ổn định cuộc sống mới. Anh Th. yêu cầu chị H. phải có mặt tại Việt Nam mới giải quyết ly hôn là lý do không được chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Chị Nguyễn Thị H. và anh Lê Sỹ Th. đều khẳng định, anh, chị chưa có con chung, Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung, ruộng nông nghiệp: Chị H. và anh Th. đều không yêu cầu Tòa án giải quyết, Hội đồng xét xử không xem xét. Việc anh Th. yêu cầu chị H. phải trả cho anh số tiền 300 triệu đồng do trước đó anh đã vay 1,4 tỉ đồng để làm thủ tục cho chị H. đi nước ngoài. Chị H. khẳng định không có số tiền vay nợ như anh Th. kê khai, toàn bộ chi phí cho việc chị sang Slovakia đoàn tụ vợ chồng với anh Th. đều do chị và bố mẹ chị chi phí, anh Th. không chi phí khoản tiền nào. Ông M. bố đẻ chị H. khẳng định mọi chi phí cho việc chị H. sang Cộng hòa Slovakia là do chị H. và gia đình ông chi phí, anh Th. không chi phí số tiền nào. Anh Th. không có căn cứ chứng minh về chi phí nêu trên nên không có căn cứ chấp nhận.

[3] Về án phí: Chị H. phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 của Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Quan điểm giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hưng Yên có căn cứ chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37, khoản 4 Điều 147, Điều 228, Điều 229, Điều 479 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 73 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 của Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Nguyễn Thị H..

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị H. được ly hôn anh Lê Sỹ Th..

2. Về con chung: Chị Nguyễn Thị H. và anh Lê Sỹ Th. đều khẳng định chưa có con chung, Hội đồng xét xử không xem xét.

3. Về tài sản chung, nợ chung, ruộng đất: Chị H., anh Th. đều không yêu cầu Tòa án giải quyết, Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị H. phải chịu 300.000đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí sơ thẩm ly hôn, nhưng được đối trừ vào số tiền 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* chị H. đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số AA/2021/0008291 ngày 28/03/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện K.C, tỉnh Hưng Yên. Chị H. đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo: Chị H. có quyền kháng cáo trong thời hạn một tháng, anh Th. được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hoặc niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Hưng Yên;
- TAND huyện K.C;
- Chi cục THA huyện K.C;
- UBND xã H.T; K.C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Vũ Thị Nga

[2.1] Về quan hệ hôn nhân:

[2.2] Về con chung: Anh Th., chị H. chưa có con chung.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung, ruộng canh tác: Chị H. và anh Th. đều không yêu cầu Tòa án giải quyết, Hội đồng xét xử không xem xét.

Việc anh Th. yêu cầu chị H. phải trả anh 300 triệu đồng để anh trả tiền lãi, do trước đó anh đã vay 1,4 tỉ đồng để làm thủ tục cho chị H. đi nước ngoài. Chị H. và ông M. đều khẳng định chi phí cho việc chị H. sang Slovakia do chị và gia đình ông M. lo cả, anh Th. và gia đình anh Th. không bỏ ra khoản chi phí nào. Anh Th. không có căn cứ chứng minh cho việc anh chi phí cho chị H. đi nước ngoài nên yêu cầu của anh không có căn cứ chấp nhận.